

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I KHỐI 12 NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN : GDKT VÀ PL

Bài 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

HS học mục 3. Môi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

BÀI 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HS học mục 3. Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt nam

BÀI 3: BẢO HIỂM

HS học mục 2. Vai trò của bảo hiểm và trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

HS học mục 2. Vai trò của an sinh xã hội và trách nhiệm của công dân đối với vấn đề an sinh xã hội.

BÀI 5: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Kế hoạch kinh doanh

* **Khái niệm kế hoạch kinh doanh**

- Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức thực hiện ý tưởng đó.

* **Nội dung của một bản kế hoạch kinh doanh**

1- Định hướng kinh doanh:

+ Nêu được ý tưởng kinh doanh (loại sản phẩm, tính khả thi, mới mẻ, độc đáo, hữu dụng, chọn được loại hình doanh nghiệp, đối tượng khách hàng, xác định các mục tiêu chung, nhiệm vụ ngắn hạn và dài hạn);

+ Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh (thuận lợi, khó khăn hiện tại và tương lai gần; đối thủ cạnh tranh ...);

2- Mục tiêu và chiến lược kinh doanh

+ Xác định các mong muốn, kỳ vọng đạt được theo từng mốc thời gian;

+ Xác định các chiến lược kinh doanh: khách hàng mục tiêu, lợi thế cạnh tranh lành mạnh, khu vực địa lý, đặc điểm và tính chất của thị trường, marketing, sản phẩm, chuỗi cung ứng, chăm sóc khách hàng...

3- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện kinh doanh:

+ Đề ra chiến lược Marketing để xác định kênh truyền thông thu hút khách hàng (cụ thể về ngân sách, linh hoạt để phù hợp thực tế).

+ Lập kế hoạch tài chính để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện hiệu quả (Xác định vốn đầu tư, tiền mặt, tài sản hiện có, mục tiêu cụ thể như doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất sinh lời. Dự báo nợ và chi phí. Thiết lập kế hoạch quản lý tiền mặt).

+ Đề ra chiến lược nhân sự (số lượng, chất lượng, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm, kế hoạch xây dựng môi trường làm việc tích cực phát triển cá nhân đảm bảo nguồn nhân lực sẵn có ...) và dự báo nhu cầu nhân sự trong tương lai (kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp).

4- Đánh giá các rủi ro biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh

2. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch kinh doanh

- Khi thực hiện một công việc có kế hoạch rõ ràng sẽ nâng cao xác suất thành công

- Dễ dàng điều chỉnh, bổ sung, tốn kém ít hơn khi làm lại từ đầu.

- Tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô kinh doanh.

- Giúp đưa ra các quyết định tốt nhất, nhanh nhất cho các phương hướng kinh doanh

3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

Về cơ bản, một bản kế hoạch kinh doanh được lập sẽ bao gồm các bước:

* **Bước 1:** Xác định ý tưởng và định hướng kinh doanh thông qua phân tích sự đam mê, hiểu biết về lĩnh vực kinh doanh, khả năng huy động các nguồn lực, phân tích thị trường

* **Bước 2:** Xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh cần cụ thể, rõ ràng, thực tế, phù hợp khả năng theo các mốc thời gian, có tính định lượng.

* **Bước 3:** Phân tích các điều kiện triển khai ý tưởng kinh doanh theo swot (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức)

* **Bước 4.** Xác định các kế hoạch hoạt động kinh doanh: ở mọi khâu như sản xuất (nguồn nguyên liệu, nhà cung ứng, con đường nhập hàng hóa...), phân phối (tiếp thị, quảng cáo, chăm sóc khách hàng, hậu mãi, ...), chuẩn bị tài chính – vốn (chi phí đầu tư, máy móc, mặt bằng, quản lý, khấu hao, xâm nhập thị trường...), chuẩn bị nguồn lực (quản lý, tuyển dụng, chuẩn hóa, ...) phải được định hướng rõ ràng, đảm bảo kế hoạch hoạt động triển khai được trên thực tế.

* **Bước 5.** Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lý: cần xác định các cơ hội, rủi ro có thể gặp phải, từ đó có biện pháp xử lý phù hợp.

BÀI 6 : TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của quốc gia.

2. Các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Trách nhiệm pháp lí: doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, quan hệ cạnh tranh không lành mạnh, quan hệ lao động công bằng, bình đẳng và các quy định pháp luật khác.

- Trách nhiệm nhân văn:

+ Đối với cộng đồng, doanh nghiệp tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo (khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng nhà tình thương ...).

+ Đối với xã hội, doanh nghiệp đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ bảo vệ môi trường...

- Trách nhiệm đạo đức:

+ Đối với người tiêu dùng, doanh nghiệp giữ gìn sự trung thực về chất lượng sản phẩm và tạo sự hài lòng trong quan hệ giao dịch.

+ Đối với người lao động, doanh nghiệp cải thiện môi trường lao động và hỗ trợ vật chất, nâng cao đời sống tinh thần.

- Trách nhiệm kinh tế: Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; có lợi nhuận, tạo việc làm với mức lương tương xứng, bình đẳng, có cơ hội thăng tiến cho người lao động, sản xuất sản phẩm có chất lượng, an toàn định giá, thông tin minh bạch, chính xác về sản phẩm.

3. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Đối với doanh nghiệp: tránh được các rủi ro pháp lí về lao động, môi trường; tạo động lực cho người lao động và thu hút được nguồn lao động giỏi; giảm chi phí, tăng năng suất lao động, mở rộng thị phần; nâng cao thương hiệu và uy tín.

- Đối với xã hội: chung sức hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn (đói nghèo, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, thiên tai...), giúp ổn định cuộc sống; góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

BÀI 7: QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

1. Khái niệm và sự cần thiết quản lý thu, chi trong gia đình

1.1. Khái niệm: là việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên gia đình có tính đến rủi ro và mục tiêu tài chính.

1.2. Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

- Đối với gia đình:

- Đối với các thành viên trong gia đình

2. Đánh giá thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình

2.1. Thói quen chi tiêu

- Có 2 khoản chi, bao gồm:

+ Chi tiêu thiết yếu: chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như: ăn uống, nhà ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh,...

+ Chi tiêu không thiết yếu: chi cho các sản phẩm mong muốn như: sản phẩm xa xỉ, vui chơi, giải trí...

2.2. Mục tiêu tài chính

+ Giúp có được khoản dự phòng để thực hiện các mục tiêu tài chính.

+ Có nguồn đầu tư để có các khoản thu đảm bảo cho tương lai.

+ Phòng ngừa được rủi ro khi có sự cố bất ngờ xảy ra.

3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi hợp lí

Để xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi hợp lí, cần thực hiện các bước sau:

* **Bước 1. Xác định mục tiêu tài chính trong gia đình.**

* **Bước 2: Liệt kê các nguồn thu nhập trong gia đình**

* **Bước 3: Trao đổi giữa các thành viên về các khoản chi**

* **Bước 4: Thống nhất giữa các thành viên tỉ lệ phân chia các khoản chi**

* **Bước 5. Thực hiện các khoản thu, chi trong gia đình**

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Câu 1: Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

A. khắc phục tình trạng tụt hậu.

B. tài trợ hoạt động từ thiện.

C. tìm kiếm thị trường.

D. đa dạng nền kinh tế.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **sai** về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế?

A. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết việc làm cho đất nước.

B. Tăng trưởng, phát triển kinh tế góp phần giải quyết tình trạng đói nghèo.

C. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện củng cố quốc phòng an ninh.

D. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mọi công dân có thu nhập bằng nhau.

Câu 3: Việc làm nào dưới đây góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

A. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.

B. Ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất.

C. Nợ lương của người lao động.

D. Gian lận thuế, nợ thuế, trốn thuế.

Câu 4: Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

B. độc lập với nhau.

C. cản trở nhau phát triển.

D. triệt tiêu nhau.

BÀI 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Câu 1. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

A. đa phương.

B. khu vực.

C. toàn cầu.

D. song phương.

Câu 2. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

A. Hội nhập kinh tế đa phương.

B. Hội nhập kinh tế khu vực.

C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.

D. Hội nhập kinh tế song phương.

Câu 4. Đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam, để thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển thì cần

A. chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với các quốc gia/vùng lãnh thổ.

B. chỉ lựa chọn phát triển quan hệ kinh tế với các quốc gia phát triển.

C. chỉ lựa chọn liên kết, hợp tác với các quốc gia trong khối Asean.

D. chủ động tách biệt quan hệ thương mại với nước láng giềng.

BÀI 3: BẢO HIỂM

Câu 1: Đối với người tham gia bảo hiểm, một trong những vai trò của bảo hiểm đó là giúp mỗi cá nhân tham gia bảo hiểm nếu không may gặp rủi ro có thể

A. chuyển giao rủi ro cho cơ quan bảo hiểm.

B. được mọi người giúp đỡ, hỗ trợ thiệt hại.

C. yêu cầu được bồi thường cho bản thân.

D. xác định được phần thiệt hại của bản thân.

Câu 2: Với loại hình bảo hiểm xã hội, người lao động sẽ nhận được quyền lợi bảo hiểm dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

B. Vị thế xã hội lúc tham gia.

C. Địa vị xã hội khi tham gia.

D. Nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm xã hội trường hợp nào dưới đây người tham gia bảo hiểm **không** được nhận quyền lợi bảo hiểm?

A. Do hết tuổi lao động theo quy định.

B. Do bị sa thải vì vi phạm kỷ luật.

C. Ốm đau hoặc tai nạn lao động.

D. Thai sản hoặc bệnh nghề nghiệp.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

A. tai nạn giao thông.

B. tai nạn đi lại.

C. tai nạn lao động.

D. tai nạn thương tích.

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

Câu 1: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?

A. Đảm bảo cuộc sống người dân.

B. Hạn chế những rủi ro, biến cố.

C. Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

D. Mở rộng sự lệ thuộc vào nhà nước.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

A. Giải quyết việc làm ở nông thôn.

B. Xóa bỏ nhà tạm không an toàn.

C. Cứu đói người dân khi giáp hạt.

D. Nâng cao thu nhập người dân.

Câu 3: Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.
 B. Độc quyền phân loại hàng hóa.
 C. Chia đều lợi nhuận thường niên.
 D. Làm trái thỏa ước lao động tập thể.
- Câu 4:** Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?
 A. Phòng ngừa biến cố.
 B. Ngăn ngừa rủi ro.
 C. Khắc phục rủi ro.
 D. Quản lý xã hội.

BÀI 5: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Câu 1:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố
 A. Nhân sự và đối thủ.
 B. Tài chính và nhân sự.
 C. Tài chính và lợi nhuận.
 D. Đối thủ và lợi nhuận.
- Câu 2:** Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được
 A. lợi nhuận thực tế.
 B. thời điểm thất bại.
 C. thời gian thành công.
 D. mục tiêu hướng tới.
- Câu 3:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?
 A. Kinh doanh mặt hàng gì.
 B. Đối tượng khách hàng là ai.
 C. Tỷ suất lợi nhuận thu được.
 D. Kinh doanh bằng cách nào.
- Câu 4:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố
 A. Nhà nước.
 B. Quốc tế.
 C. Thị trường.
 D. Lợi nhuận.
- Câu 5:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong
 A. nghệ thuật.
 B. công tác.
 C. học tập.
 D. kinh doanh.
- Câu 6:** Khi phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể cần chú ý phân tích điều kiện nào dưới đây?
 A. Phân tích chiến lược.
 B. Phân tích mục tiêu.
 C. Phân tích sản phẩm.
 D. Phân tích ý tưởng.
- Câu 7:** Bản tóm tắt kế hoạch kinh doanh **không** bao gồm nội dung nào dưới đây?
 A. Thuận lợi và khó khăn.
 B. Ý tưởng kinh doanh.
 C. Tên kế hoạch kinh doanh.
 D. Thời điểm thành công.
- Câu 8:** Chị Q mở một cửa hàng quần áo và cho rằng phong cách thời trang mà chị Q yêu thích thì khách hàng cũng sẽ thích. Việc làm của chị Q đã bỏ qua bước nào trong lập kế hoạch kinh doanh?
 A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
 B. Phân tích rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí.
 C. Phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
 D. Xác định kế hoạch tài chính.
- Câu 9:** Kế hoạch kinh doanh xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, công việc dự định thực hiện và cách đạt được
 A. trách nhiệm xã hội.
 B. mục tiêu xã hội.
 C. mục tiêu kinh doanh.
 D. trách nhiệm kinh tế.
- Câu 10:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?
 A. Không có tính khả thi.
 B. Có tính mới mẻ, độc đáo.
 C. Có ưu thế vượt trội.
 D. Có lợi thế cạnh tranh.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 11, 12

Đề vận hành quán cà phê, anh H xác định ngoài chủ quán có 8 nhân viên; Chủ quán: người trực tiếp quản lí và điều hành quản lí 24/7; Tiếp tân: thu tiền và in hoá đơn; Đầu bếp: pha chế nước uống và chế biến món ăn. Quán hoạt động từ 6 giờ đến 23 giờ nên đội ngũ được chia thành hai ca, mỗi ca 4 người. Khi quán đông khách có thể huy động thời gian rảnh của các thành viên trong gia đình để phục vụ.

- Câu 11:** Thông tin trên đề cập đến yếu tố nào dưới đây khi tiến hành đánh giá các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh?
 A. Thị trường.
 B. Khách hàng.
 C. Sản phẩm.
 D. Nhân sự.
- Câu 12:** Anh H đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?
 A. Xác định chiến lược kinh doanh.
 B. Phân tích các điều kiện kinh doanh.
 C. Xác định mục tiêu kinh doanh.
 D. Đánh giá các yếu tố rủi ro gặp phải.
- Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Câu 1: Một doanh nghiệp nhỏ phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh thực phẩm hữu cơ. Qua khảo sát thị trường, sản phẩm, khách hàng và các đối thủ cạnh tranh cho thấy: Xu hướng của người tiêu dùng ở khu vực này đang quan tâm đến việc ăn uống lành mạnh và thực phẩm hữu cơ. Thị trường ở đây đã có một vài cửa hàng thực phẩm, nhưng chưa có doanh nghiệp nào tập trung hoàn toàn vào thực phẩm hữu cơ.

- a) Thông tin nói về ý tưởng kinh doanh thực phẩm hữu cơ.
- b) Khi xác định ý tưởng kinh doanh chỉ cần lưu ý đến vấn đề tài chính.
- c) Trong khu vực chưa có doanh nghiệp tập trung vào sản phẩm hữu cơ là lợi thế cạnh tranh của sản phẩm.
- d) Nhu cầu sản phẩm trên thị trường là điều kiện để xác định ý tưởng kinh doanh.

BÀI 6 : TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

Câu 1: Việc doanh nghiệp thực hiện tốt những chính sách và việc làm cụ thể nhằm mang lại ảnh hưởng tích cực đến xã hội đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước là thể hiện nội dung nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm tiêu dùng. B. Trách nhiệm sản xuất. C. Trách nhiệm xã hội. D. Trách nhiệm phân phối.

Câu 2: Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với doanh nghiệp?

- A. Xây dựng thương hiệu tích cực. B. Giảm khả năng cạnh tranh.
- C. Được nhà nước hỗ trợ thuế. D. Thúc đẩy nguy cơ phá sản.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

- A. Tạo việc làm hợp pháp cho công nhân. B. Gian lận chế độ của người lao động.
- C. Kim hãm người lao động phát triển. D. Hỗ trợ công nhân vi phạm pháp luật.

Câu 4: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, giám đốc công ty M luôn luôn chỉ đạo nhân viên phải không ngừng cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để tạo ra những sản phẩm chất lượng, an toàn là đã góp phần thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm đạo đức. C. Trách nhiệm kinh tế. D. Trách nhiệm nhân văn.

Câu 5: Công dân hoàn thiện đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành các hoạt động kinh doanh là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm kinh doanh. C. Trách nhiệm nhân văn. D. Trách nhiệm từ thiện.

Câu 6: Bên cạnh việc phát triển sản xuất, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động từ thiện là đã thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm nhân văn. C. Trách nhiệm sản xuất. D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với xã hội?

- A. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.
- B. Tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- C. Góp phần bảo vệ môi trường sống.
- D. Hỗ trợ giải quyết những khó khăn của cộng đồng.

Câu 8: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp?

- A. Từ chối bảo vệ người tiêu dùng. B. Ủng hộ quỹ nhân đạo.
- C. Chấp hành việc bảo vệ môi trường. D. Tuân thủ nghĩa vụ thuế.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp?

- A. Góp phần bảo vệ môi trường sống. B. Hỗ trợ giải quyết những khó khăn của cộng đồng.
- C. Nâng cao thương hiệu và uy tín doanh nghiệp. D. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.

Câu 10: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

- A. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên, B. kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.
- C. tham gia xây nhà tình nghĩa, D. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

Câu 11: Tuân thủ các quy định về thuế, bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Pháp lý. B. Kinh tế. C. Đạo đức. D. Nhân văn.

Câu 12: Khi đại dịch Covid 19 bùng phát, doanh nghiệp HD đã trích quỹ để ủng hộ Quỹ vacxin của chính phủ, việc làm này thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm nhân văn. B. Trách nhiệm đạo đức. C. Trách nhiệm pháp lý. D. Trách nhiệm kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 13, 14, 15

Công ty V chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm sữa, thường xuyên cải tiến mẫu mã, đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường, kê khai và nộp thuế đầy đủ. Doanh nghiệp đã tham gia chương trình sữa học đường, mang sữa đến các trường mầm non, tiểu học tại nhiều địa phương, phát động cán bộ nhân viên quyên góp, giúp đỡ người dân vùng bị thiên tai vượt qua khó khăn và khắc phục hậu quả sau bão lũ,...

Câu 13: Nội dung nào dưới đây phản ánh việc thực hiện trách nhiệm pháp lý của công ty V?

- A. Cải tiến mẫu mã sản phẩm. B. Đảm bảo chất lượng sản phẩm.
C. Kê khai và nộp thuế đầy đủ. D. Tham gia dự án sữa miễn phí.

Câu 14: Hoạt động tham gia chương trình sữa học đường, mang sữa đến các trường mầm non, tiểu học tại nhiều địa phương là thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của công ty?

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm nhân văn. C. Trách nhiệm đạo đức. D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Cải tiến mẫu mã sản phẩm. B. Duy trì chất lượng sản phẩm.
C. Ứng hộ đồng bào bị lũ lụt. D. Liên kết với các nhà phân phối.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty cổ phần B sản xuất hàng đồ chơi trẻ em. Từ nhiều năm nay, công ty đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, hàng năm đầu tư hàng tỉ đồng để xây dựng hệ thống xử lý nước thải bảo vệ môi trường; sản xuất đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em. Đồng thời, công ty còn thực hiện đúng nghĩa vụ kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định.

a) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường là công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội ở hình thức pháp lý và kinh tế.

b) Việc sản xuất các đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em là phù hợp với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức đạo đức và kinh tế.

c) Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước gắn liền với trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.

d) Thông qua việc tạo ra những sản phẩm không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, công ty B đã thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy phát triển bền vững.

BÀI 7: QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

Câu 1: Mục đích của quản lý thu, chi trong gia đình biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chủ động kiểm soát chi tiêu của bản thân. B. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.
C. Đảm bảo ổn định dòng tiền cho việc mua sắm của gia đình. D. Tối ưu hoá sử dụng khoản thu của bản thân.

Câu 2: Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình không mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Kiểm soát thu chi hiệu quả. B. Giúp cân bằng tài chính.
C. Hạn chế quan hệ gia đình. D. Vượt qua rủi ro tài chính.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các nguồn thu nhập khi xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình?

- A. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày. B. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.
C. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập. D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc thực hiện các khoản thu chi trong gia đình theo kế hoạch?

- A. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản. B. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày.
C. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập. D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 5: Khi thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản chi tiêu, các gia đình **không** cần phân chi tỷ lệ cho nội dung nào dưới đây?

- A. Chi thiết yếu. B. Chi nộp thuế nhà đất. C. Chi không thiết yếu. D. Chi tiết kiệm.

Câu 6: Thông qua việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình góp phần theo dõi và điều chỉnh những hành vi nào dưới đây để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình?

- A. Thói quen chi tiêu hoang phí. B. Thói quen chi tiêu tích cực.
C. Thói quen chi tiêu không tích cực. D. Thói quen chi tiêu tiết kiệm.

Câu 7: Việc quản lý thi, chi trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình chủ động được

- A. các khoản rủi ro khi chi tiêu. B. các khoản nhà nước hỗ trợ.
C. các khoản thu nhập ngoài. D. kế hoạch tài chính gia đình.

Câu 8: Việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên sao cho phù hợp với các nguồn thu nhập của gia đình là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Quản lý thu, chi nội bộ. B. Quản lý thu, chi đối ngoại. C. Quản lý thu, chi đối nội. D. Quản lý thu, chi trong gia đình.

Câu 9: Nguồn thu nhập trong gia đình **không** bao gồm khoản nào dưới đây?

- A. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh. B. Doanh thu từ hoạt động nộp thuế kinh doanh.
C. Thu nhập từ tiền lương các thành viên. D. Thu nhập từ tiền lãi xuất gửi tiết kiệm.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?

- A. Điều chỉnh hành vi tiêu dùng. B. Thiết lập mục tiêu tài chính.
C. Chi tiêu tự do mất kiểm soát. D. Kiểm soát các nguồn thu nhập.

Câu 11: Khi lập kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình, việc thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu cần đảm bảo nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Ưu tiên cho khoản không thiết yếu. B. Dành toàn bộ cho khoản không thiết yếu.
C. Dành toàn bộ cho khoản thiết yếu D. Ưu tiên cho khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây không phải là căn cứ để xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình?

- A. Các khoản chi tiêu trong gia đình. B. Các mối quan hệ trong gia đình.
C. Mục tiêu tài chính trong gia đình. D. Các nguồn thu nhập trong gia đình.

Câu 13: Những khoản chi tiêu nào dưới đây trong gia đình là khoản chi tiêu không thiết yếu?

- A. Chi phí điện nước. B. Chi phí học tập. C. Chi phí xem phim. D. Chi phí ăn, mặc.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15

Khi biết có một căn nhà cũ bán với giá rẻ, anh T liền lên kế hoạch dự trữ tài chính, mua lại căn nhà đó để sửa chữa và cho thuê với giá hợp lý. Cách thức này vừa giúp gia đình anh có thêm nguồn thu nhập vừa giữ được tài sản hiện có của anh. Bên cạnh đó, anh T dành một khoản lớn thu nhập cho mục tiêu tiết kiệm. Anh chi tiêu ở mức tối thiểu cho sinh hoạt hằng ngày với các nhu cầu thiết yếu. Anh quan niệm rằng chỉ có tiết kiệm mới có thể thực hiện được mục tiêu mua nhà, mua xe,... Vì vậy, anh hạn chế giao tiếp, không mở rộng quan hệ xã hội để tránh các khoản chi không cần thiết, không mang lại cho anh lợi ích gì.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây thể hiện anh T chưa biết phân chia một cách phù hợp giữa các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?

- A. Mua nhà và sửa lại cho thuê. B. Tiết kiệm dùng để mua nhà.
C. Bảo toàn tài sản hiện có. D. Dành khoản lớn để tiết kiệm.

Câu 15: Việc làm nào dưới đây thể hiện anh T đã biết bổ thu nguồn thu nhập cho gia đình?

- A. Tập trung vào tiền tiết kiệm. B. Giảm chi tiêu thiết yếu.
C. Hạn chế giao tiếp bạn bè. D. Mua nhà rồi cho thuê lại.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vợ chồng anh N có tổng thu nhập từ 20 – 25 triệu đồng/tháng. Kể từ khi mới kết hôn, anh chị đã thống nhất cách thức kiểm soát thu, chi. Mọi nguồn thu của các thành viên trong gia đình đều được ghi chép lại và người vợ sẽ giữ tiền. Bên cạnh đó, anh chị còn đưa ra 4 cách kiểm soát nguồn chi: chỉ mua sắm vào những ngày quy định, chi tiêu có mục đích, tạo một danh sách mua sắm trước khi mua và tạo ra giới hạn chi tiêu. Nhờ vậy mà gia đình anh N luôn đạt trạng thái chi tiêu hiệu quả và tiết kiệm được những khoản tiền đều đặn hằng tháng.

- a) Vợ chồng anh N không xác định mục tiêu tài chính rõ ràng.
b) Việc kiên trì thực hiện 4 cách kiểm soát nguồn chi sẽ làm cho chi tiêu trong gia đình bị hạn chế.
c) Số tiền 20 – 25 triệu đồng/ tháng là căn cứ duy nhất để vợ chồng anh N xây dựng kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình.
d) Vợ chồng anh N không cần điều chỉnh kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình vì biện pháp này đã phù hợp.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Chị Trần Thị Th (35 tuổi, Hà Nội) đang làm việc tại một doanh nghiệp có tiếng về F&B tại Hà Nội. Khi món cà phê muối bỗng trở thành trào lưu được giới trẻ rất ưa chuộng, chị Thương quyết định kinh doanh “đu trend”. Tháng 6/2023, chị nghỉ việc và dốc tiền mở quán. Chị Thương đặt mua xe cà phê muối từ TP.HCM với giá khoảng 1,5 triệu đồng/chiếc. Sau đó, chị tìm địa điểm và quyết định đặt những xe cà phê muối ngay tại các tòa nhà văn phòng lớn để thu hút dân công sở vốn có nhu cầu cao. Với 8 xe hàng rong bán cà phê, chị Th mất khoảng gần 20 triệu đồng đầu tư, chưa kể tiền lương nhân viên và các phụ phí khác. Sau hơn 1 năm kinh doanh chị bị thua lỗ.

- Hỏi:
a. Theo em, tại sao chị Th bị thua lỗ trong kinh doanh
b. Từ trường hợp chị Th, em hãy cho biết kinh doanh có cần thiết phải lập kế hoạch hay không? Tại sao?

Hướng dẫn trả lời:

- a. Theo em, tại sao chị Th bị thua lỗ trong kinh doanh
Bởi vì: kinh doanh theo xu hướng mà không lập kế hoạch kinh doanh sẽ dễ dẫn đến thua lỗ khi xu hướng thoái trào
b. Từ trường hợp chị Th, em hãy cho biết những ích lợi của việc lập kế hoạch kinh doanh.

Sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh:

- Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh nắm bắt tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai.

- Giúp xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện, chủ động thực hiện và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.

- Giúp người kinh doanh có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

Câu 2:

Doanh nghiệp M là doanh nghiệp có uy tín trong ngành xây dựng với những dự án nhà ở hiện đại, quy mô lớn. Doanh nghiệp luôn tuân thủ các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường khi thực hiện các công trình xây dựng. Đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp có chuyên môn, năng lực sáng tạo và được hưởng chế độ đãi ngộ thích đáng nên có những đóng góp to lớn cho hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng các công trình xây dựng được bảo đảm đúng cam kết, hoàn thành đúng tiến độ và thỏa mãn hợp lý các nhu cầu và lợi ích khách hàng.

a. Doanh nghiệp M đã thực hiện trách nhiệm xã hội như thế nào?

b. Ý nghĩa việc thực hiện các trách nhiệm xã hội đó của doanh nghiệp là gì?

Gợi ý trả lời

a. Doanh nghiệp M đã thực hiện trách nhiệm: Trách nhiệm đạo đức, kinh tế.

b. Ý nghĩa việc thực hiện các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:

- **Xây dựng hình ảnh thương hiệu tốt đẹp:** Khách hàng ngày càng quan tâm đến các doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội giúp doanh nghiệp xây dựng hình ảnh tích cực, tăng lòng trung thành của khách hàng.

- **Tăng cường mối quan hệ với cộng đồng:** Doanh nghiệp sẽ được cộng đồng đón nhận và hỗ trợ nhiều hơn.

- **Thu hút nhân tài:** Những người tài năng thường muốn làm việc cho các doanh nghiệp có giá trị chia sẻ.

- **Phát triển bền vững:** trách nhiệm xã hội giúp doanh nghiệp đảm bảo sự phát triển lâu dài, bền vững.

- **Tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh:** trách nhiệm xã hội thể hiện sự tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 3:

Gia đình anh Minh có hai con nhỏ, vợ anh là giáo viên, còn anh làm nhân viên tại một công ty tư nhân. Tổng thu nhập hàng tháng của gia đình là 20 triệu đồng. Sau khi trừ các chi phí sinh hoạt như tiền ăn uống, học phí cho con cái, tiền điện nước, và tiền thuê nhà, gia đình thường không còn dư nhiều để tiết kiệm hoặc dự phòng cho những tình huống khẩn cấp. Vào một tháng, anh Minh bất ngờ gặp sự cố trong công việc, dẫn đến việc giảm thu nhập và gây khó khăn cho gia đình trong việc quản lý chi tiêu.

Câu hỏi:

Theo em, gia đình anh Minh đã gặp phải vấn đề gì trong việc quản lý tài chính?

Gợi ý trả lời

Vấn đề trong quản lý tài chính của gia đình anh Minh:

- **Thiếu quỹ dự phòng khẩn cấp:** Gia đình anh Minh không có kế hoạch dự trù cho những tình huống bất ngờ như giảm thu nhập hoặc các chi phí phát sinh khác.

- **Thiếu sự cân đối giữa thu nhập và chi tiêu:** Dường như gia đình chi tiêu hết mức thu nhập hàng tháng mà không có sự phân bổ hợp lý, đặc biệt là dành cho tiết kiệm hoặc đầu tư.

- **Không có kế hoạch chi tiêu rõ ràng:** Gia đình không có kế hoạch chi tiêu dài hạn hoặc kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí cố định và linh hoạt hàng tháng.

ĐỀ THAM KHẢO

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế?

A. Mức sống bình dân.

B. Tiến bộ xã hội.

C. Cơ cấu dòng tiền.

D. Tăng trưởng dân số.

Câu 2: Khẳng định nào dưới đây là đúng về hình thức hội nhập kinh tế quốc tế trong khu vực?

A. Là hợp tác kí kết giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

B. Là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực.

C. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.

D. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội.

Câu 3: Một trong những biểu hiện của hợp tác kinh tế quốc tế là các quốc gia có thể cùng quốc gia khác tham gia ký kết

- A. phát động chiến tranh.
B. xác định mốc biên giới.
C. hiệp định thương mại tự do.
D. tuần tra chung trên biển.
- Câu 4:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do
A. đoàn thể thực hiện.
B. Nhà nước thực hiện.
C. Công đoàn thực hiện
D. người dân thực hiện.
- Câu 5:** Về mặt kinh tế, một trong những vai trò của bảo hiểm là góp phần giúp các cá nhân và tổ chức tham gia bảo hiểm
A. ngày càng lệ thuộc vào nhau.
B. ổn định được nguồn tài chính.
C. thu được nhiều lợi nhuận.
D. chiếm đoạt tài sản của nhau.
- Câu 6:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?
A. Bảo hiểm xã hội giúp người lao động khắc phục toàn bộ các rủi ro.
B. Bảo hiểm góp phần huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.
C. Bảo hiểm tài chính giúp các cá nhân, đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư.
D. Bảo hiểm giúp con người chuyển giao rủi ro khắc phục tổn thất.
- Câu 7:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?
A. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.
B. Thúc đẩy lạm phát, thất nghiệp.
C. Góp phần xóa đói giảm nghèo.
D. Phân phối lại thu nhập xã hội.
- Câu 8:** Chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm **không** bao hàm nội dung nào dưới đây?
A. Trợ cấp tai nạn lao động.
B. Trợ cấp xóa nhà tạm.
C. Trợ cấp ốm đau.
D. Trợ cấp thai sản.
- Câu 9:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?
A. Chăm sóc sức khỏe khi ốm.
B. Chăm sóc sức khỏe ban đầu.
C. Chiếm hữu nguồn tài nguyên.
D. Cho vay vốn ưu đãi để sản xuất.
- Câu 10:** Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?
A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
B. Xác định thời gian hoàn thành.
C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.
- Câu 11:** Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?
A. Hành vi tiêu dùng.
B. Nguồn gốc xuất thân.
C. Nhu cầu khách hàng.
D. Độ tuổi khách hàng.
- Câu 12:** Khi phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể cần chú ý phân tích điều kiện nào dưới đây?
A. Phân tích chiến lược.
B. Phân tích mục tiêu.
C. Phân tích sản phẩm.
D. Phân tích ý tưởng.
- Câu 13:** Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?
A. Đạo đức.
B. Nhân văn.
C. Kinh tế.
D. Pháp lý.
- Câu 14:** Công dân hoàn thiện đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành các hoạt động kinh doanh là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?
A. Trách nhiệm pháp lý.
B. Trách nhiệm kinh doanh.
C. Trách nhiệm nhân văn.
D. Trách nhiệm từ thiện.
- Câu 15:** Bên cạnh việc phát triển sản xuất, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động từ thiện là đã thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?
A. Trách nhiệm pháp lý.
B. Trách nhiệm nhân văn.
C. Trách nhiệm sản xuất.
D. Trách nhiệm kinh tế.
- Câu 16:** Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?
A. Mọi quan hệ giữa các thành viên.
B. Tình hình việc làm và thu nhập.
C. Tình hình tài chính hiện tại.
D. Tình trạng hôn nhân gia đình.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Thu nhập bình quân trên đầu người (GDP/người) tăng trưởng ấn tượng qua nhiều năm. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Việt Nam đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Hiệp

mai đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường. Anh H sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã quyết định khởi nghiệp với mô hình sản xuất ống hút thân thiện với môi trường. Với lợi thế xuất thân từ nông nghiệp, anh thấy tại địa phương có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thể chế biến thành các sản phẩm ống hút có thẩm mỹ cao lại rất phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường. Được ngân hàng chính sách xã hội huyện hỗ trợ cho vay 100 triệu đồng, anh đã đầu tư máy móc và trang thiết bị phục vụ sản xuất. Nhờ có hiểu biết về thị trường và sự hỗ trợ của cơ quan chức năng, sản phẩm ống hút do anh H sản xuất từng bước được xuất khẩu sang nhiều nước trong liên minh Châu Âu. Sản phẩm do anh H làm ra có mẫu mã đẹp, tính cạnh tranh cao, đặc biệt là rất phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường mà nhiều nước phát triển đặt ra.

a) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu là phù hợp với hình thức hợp tác toàn cầu mà Việt Nam đã và đang thúc đẩy trong kinh tế đối ngoại.

b) Việc nắm bắt lợi thế về các sản phẩm nông nghiệp địa phương để sản xuất các sản phẩm phù hợp có giá trị kinh tế cao thể hiện anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh.

c) Quyết định khởi nghiệp bằng việc sản xuất ống hút thân thiện với môi trường mới dừng lại ở ý tưởng kinh doanh.

d) Anh H vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHẦN III: TỰ LUẬN

Câu 1 (2 đ): Anh H là người lao động trong Công ty A. Anh đã tham gia các loại bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, anh còn tham gia bảo hiểm con người với Công ty bảo hiểm Z. Sau một thời gian khám bệnh và điều trị tại bệnh viện K, Anh H cầm trên tay hóa đơn, chứng từ thanh toán bảo hiểm y tế với số tiền 80 triệu đồng. Kết quả sau khi điều trị, Anh đã được thanh toán gần một nửa chi phí điều trị gần 50 triệu đồng, thuộc đối tượng đồng chi trả 20%. Anh xúc động nói thêm: “Nhờ có sự tư vấn của cán bộ bảo hiểm xã hội, cách đây 5 tháng tôi có mua một tấm thẻ bảo hiểm y tế nay nhờ có tấm thẻ BHYT này mà tôi không trở thành gánh nặng tài chính của các con khi ốm đau, đến bây giờ bản thân tôi mới thấm thía câu khẩu hiệu: “BHYT đóng góp khi lành để dành khi ốm”.

a/ *Hãy xác định các loại hình bảo hiểm mà anh H đã tham gia?*

b/ *Em hiểu như thế nào về câu nói “BHYT đóng góp khi lành để dành khi ốm”*

Câu 2 (1 đ): Gia đình anh An có thu nhập hàng tháng là 30 triệu đồng, bao gồm tiền lương của anh An và vợ anh. Gia đình gồm 4 thành viên: anh An, vợ anh và hai con đang đi học. Hàng tháng, gia đình anh chỉ 10 triệu đồng cho tiền nhà và tiền điện nước, 7 triệu đồng cho tiền ăn uống, học phí của hai con là 5 triệu đồng. Số tiền còn lại, anh An thường sử dụng để đi chơi, ăn uống ngoài hoặc mua sắm những món đồ xa xỉ. Sau một thời gian, anh nhận ra gia đình thường không có khoản tiết kiệm nào và gặp khó khăn khi có tình huống khẩn cấp như ốm đau hoặc sửa chữa nhà cửa.

Câu hỏi:

Em hãy chỉ ra những biểu hiện của việc quản lý thu chi hợp lý và không hợp lý trong gia đình anh An?